

Bản án số: 77/2022/HC-PT
Ngày: 20 -01- 2022
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2021/TLPT-HC ngày 28 tháng 4 năm 2021 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2021/HC-ST ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1227/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Lê Văn Bé S, sinh năm 1965; (có mặt)

1.2. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1967; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 277, tổ 91, khóm M, Phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Phan Thành M – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C: Ông Nguyễn Văn T1 - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 03, đường 30/4, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh P - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 3 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Duy S1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 3 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 332, đường C1, Phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn Bé S, bà Phạm Thị T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 09/10/2019, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/12/2019, ngày 02/01/2020 và ngày 27/02/2020, Văn bản ý kiến ngày 28/5/2020 và Biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2020, ông Lê Văn Bé S và bà Phạm Thị T trình bày:*

Vào năm 1996, ông có mua của ông Trịnh Văn T2 phần đất từ giáp mí sông Đ trở lên tọa lạc tại tổ 91, khóm M, Phường 3, thành phố C. Ngày 16/6/1997, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.845m² cho 05 thửa đất. Năm 2006, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 103, diện tích 3.514,1m² và thửa 126, diện tích 532,6m², cùng thuộc tờ bản đồ số 17, ngoài ra ông còn nhận chuyển nhượng của ông Bé B 532,6m² tại thửa số 326. Năm 2002, ông thuê xáng cạp đắp bồi theo cặp sông Đ ngang 05m, dài hết đất và đặt một ống bọng đường kính 600mm để dẫn nước vào vườn tưới cây theo chủ trương của Ủy ban nhân dân Phường 3, khép kín đê bao. Khi Ủy ban nhân dân vận động làm đường có giải thích là Nhà nước và nhân dân cùng làm nhưng ông và một số hộ dân không đồng ý mà yêu cầu bồi thường về đất, vì đất của ông làm đường chiều ngang 05m, dài 50m, nhiều hơn các hộ khác. Ngày 14/05/2018, Công ty CP CN&MT ĐT Đồng Tháp, Ủy ban nhân dân thành phố C và Ủy ban nhân dân Phường 3 tiến hành bảo vệ thi công trên 02 thửa đất của ông với tổng diện tích là 308m² (kích thước 56x5,5m) nhưng không tiến hành bồi thường giải phóng mặt bằng trên phần đất của ông. Ủy ban nhân dân có kiểm đếm tài sản của ông bà và ra quyết định bồi thường nhưng ông bà không đồng ý nên khiếu nại về đất và tài sản. Quá trình khiếu nại thì Ủy ban nhân dân không đo đạc, thẩm định mà chỉ vận động gia đình ông.

Việc làm của Ủy ban nhân dân thành phố C, Ủy ban nhân dân Phường 3 và Công ty CP CN&MT ĐT Đồng Tháp đã gây tổn thất rất nặng nề về tài sản hợp pháp và tinh thần của gia đình ông.

Nay ông bà yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 12/03/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc bồi thường, hỗ trợ, Văn bản số 177/UBND-NC ngày 18/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc trả

lời đơn, Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C và Văn bản số 16/UBND-NC ngày 16/01/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố C. Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố C bồi thường về cây trồng là 50.000.000 đồng, bồi thường 308m² đất là 462.000.000 đồng, không thống nhất bồi thường ống bọng bằng tiền mà Ủy ban nhân dân phải đặt lại như cũ, bồi thường thiệt hại tài sản trong 02 năm trên phần đất vườn là 24.000.000 đồng.

** Tại Văn bản ý kiến số 353/UBND-TNMT ngày 04/03/2020, số 497/UBND-TNMT ngày 20/3/2020 và số 1527/UBND-TNMT ngày 05/8/2020, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C trình bày:*

Ngày 12 tháng 3 năm 2018, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 64/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Văn Bé S do có cây trồng và vật kiến trúc bị ảnh hưởng khi thực hiện Công trình L (đường D4 nối dài), Phường 3, thành phố C là để đền bù những thiệt hại về tài sản trên đất bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án với tổng số tiền là 8.843.320 đồng (Tám triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Căn cứ để ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ:

- + Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013.
- + Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- + Công văn số 470/TTg-QHQT ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc khung chính sách tái định cư Dự án “Phát triển đô thị loại vừa” do WB tài trợ.
- + Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
- + Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung lần 4) Dự án Nâng cấp đô thị vùng đông bằng sông Cửu Long – Tiểu dự án thành phố C. Công trình L (đường D4 nối dài), Phường 3, thành phố C.

Ông Lê Văn Bé S chưa thống nhất quyết định bồi thường, hỗ trợ nên gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố C.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, Ủy ban nhân dân thành phố C có Văn bản số 177/UBND-NC trả lời nội dung yêu cầu bồi thường đất và cây trồng của bà Phạm Thị T (vợ ông Lê Văn Bé S), cụ thể như sau:

- + Theo thiết kế đường ống dẫn nước thải và Công trình L bổ sung (đường D4 nối dài) có đi ngang qua phần đất của hộ bà (hiện trạng là lối đi công cộng).

Tuy nhiên, do gia đình bà không cho thi công nên Ủy ban nhân dân Thành phố đã tổ chức bảo vệ thi công đặt đường ống dẫn nước thải. Sau khi đặt xong đường ống dẫn nước, Ủy ban nhân dân thành phố C đã san lấp trả lại hiện trạng ban đầu, không thi công đường D4 nối dài qua phần đất của gia đình bà.

+ Đối với vật kiến trúc và cây trồng bị thiệt hại trong quá trình thi công đường ống dẫn nước thải, Ủy ban nhân dân Thành phố đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường 3 và hộ bà kiểm tra, xác định và thống nhất số liệu để bồi thường bổ sung. Hiện nay, Ủy ban nhân dân Thành phố đang lập phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung vật kiến trúc và cây trồng cho hộ bà theo quy định.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, Ủy ban nhân dân thành phố C có Văn bản số 16/UBND-NC trả lời nội dung khiếu nại liên quan đến việc thi công Công trình L bổ sung (đường D4 nối dài) Phường 3, thành phố C (đơn do Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh chuyển đến tại Công văn số 694/VPUBND-TDC ngày 03 tháng 12 năm 2018), cụ thể như sau:

+ Về thu hồi đất: Công trình L bổ sung (đường D4 nối dài) thực hiện theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm (người dân cho thi công Công trình, Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng và bồi thường vật kiến trúc, cây trồng). Qua đó, đa số nhân dân đã đồng thuận Nhà nước không thu hồi đất, bồi thường về đất; thống nhất bồi thường vật kiến trúc, cây trồng và cho thi công công trình. Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố không ban hành Quyết định thu hồi đất của tất cả các hộ thuộc Công trình L bổ sung (đường D4 nối dài), trong đó có hộ của ông.

+ Về bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc và cây trồng: Ủy ban nhân dân Thành phố đã thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định về giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản, chi phí di dời mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

+ Về bảo vệ thi công công trình: Theo thiết kế, đường ống dẫn nước thải và Công trình L bổ sung (đường D4 nối dài) có đi ngang qua phần đất của ông (hiện là lối đi công cộng). Tuy nhiên, do gia đình ông không cho thi công nên phải tổ chức bảo vệ thi công đặt đường ống dẫn nước thải (trên phần đường hiện trạng). Sau khi đặt xong đường ống dẫn nước, Ủy ban nhân dân thành phố C đã san lấp trả lại hiện trạng ban đầu, không thi công đường D4 nối dài qua phần đất của gia đình ông.

Đối với phần đất thi công hệ thống thoát nước hiện là lối đi công cộng, ông Bé S và bà T không chứng minh được mình là chủ sử dụng đất để đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai 2013.

Theo nội dung Báo cáo số 20/BC-UBND ngày 20/3/2017 của Ủy ban nhân dân Phường 3 thì địa phương có mời hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án đến họp để lấy ý kiến về việc hiến đất để thực hiện dự án. Kết quả có 24/26 hộ tham dự thống nhất hiến đất, 02/26 hộ không đồng ý hiến đất và yêu cầu bồi thường cây trồng. Như vậy, đa số hộ dân thống nhất hiến đất thực hiện dự án, do đó đủ điều kiện để thực hiện dự án. Công trình đường D4 nối dài được thực hiện năm 2017 theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm và phần đất bị ảnh hưởng do thi công hệ thống thoát nước cũng không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bé S và bà T (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2006) nên không có cơ sở bồi thường đất theo yêu cầu.

Như vậy: Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C được thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định về giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản, chi phí di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Công văn số 177/UBND ngày 18 tháng 10 năm 2018; Công văn số 16/UBND-NC ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố C là để trả lời nội dung yêu cầu của ông Lê Văn Bé S cùng vợ là bà Phạm Thị T.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân thành phố C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữ nguyên Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2018, Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C và Công văn số 177/UBND ngày 18 tháng 10 năm 2018, Công văn số 16/UBND-NC ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố C.

** Tại Văn bản ý kiến số 544/UBND-TPHT ngày 16/11/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Phường 3 trình bày:*

Vai trò của Ủy ban nhân Phường trong việc thực hiện Công trình L (đường D4 nối dài): Ủy ban nhân dân Phường 3 đã chủ trì phối hợp cùng Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội và các cơ quan chuyên môn của thành phố C triển khai kế hoạch, tổ chức họp dân lấy ý kiến vận động nhân dân khu vực thi công đồng tình, đóng góp tham gia dự án. Phối hợp cùng các ngành trong công tác điều tra khảo sát đo đạc, kiểm đếm các công trình vật kiến trúc bị ảnh hưởng trong dự án. Phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội Phường và các ngành liên quan họp dân triển khai thông tin dự án; họp dân niêm yết lấy ý kiến công khai phương án bồi thường, hỗ trợ. Đối với trường hợp hộ dân không đồng tình thì Ủy ban nhân dân Phường phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội giải thích, vận động, thuyết phục để các hộ dân thống nhất theo chủ trương chung.

Trường hợp hộ ông Lê Văn Bé S, Ủy ban nhân dân Phường đã phối hợp cùng với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội giải thích, vận động để ông Bé S hiểu rõ hơn về chủ trương của dự án là Nhà nước và nhân dân phục vụ phát triển kinh tế xã hội ở địa phương. Đã được thể hiện qua các biên bản tiếp xúc như sau: Biên bản ngày 09/5/2018 (vận động hiến đất làm đường), Biên bản ngày 10/5/2018 (vận động chặt cây di dời vật kiến trúc), Biên bản ngày 12/5/2018 (vận động chặt cây di dời vật kiến trúc), Biên bản ngày 14/5/2018 (vận động đốn, chặt cây di dời vật kiến trúc), Biên bản ngày 24/7/2018 (vận động thăm nhạ đường), Biên bản ngày 28/11/2018 (vận động đặt ống xử lý nước thải) nhưng hộ ông Bé S không đồng ý hiến đất.

** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2021/HC-ST ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, quyết định:*

Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 173, Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại 2011;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ;

Tuyên xử:

- Bác khởi kiện của ông Lê Văn Bé S và bà Phạm Thị T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C, Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C, Văn bản số 177/UBND-NC ngày 18/10/2018, Văn bản số 16/UBND-NC ngày 16/01/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố C.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường 308m² đất là 462.000.000 đồng, bồi thường thiệt hại tài sản trong 02 năm trên phần đất vườn là 24.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 23/3/2021, người khởi kiện ông Lê Văn Bé S, bà Phạm Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

Công trình đường Lia 14 nổi dài là dự án Nhà nước và nhân dân cùng làm. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, bà T là có căn cứ và đúng pháp luật,

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với yêu cầu của người khởi kiện, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ, bởi vì:

Hạng mục Công trình L là công trình thực hiện theo chủ trương Nhà nước và Nhân dân cùng làm có hơn 80% hộ dân có ảnh hưởng về tài sản đồng ý thực hiện, trong đó theo các biên bản kiểm đếm cây trồng và tài sản ngày 28/4/2017 cũng như bảng chiết tính giá trị bồi thường kèm theo các Quyết định số 64 là 8.843.320 đồng, Quyết định số 674 là 5.537.880 đồng thì ông Bé S và bà T xác định là đúng và đầy đủ. Tuy nhiên, ông bà cho rằng các loại cây trồng trên phải trị giá là 50.000.000 đồng, không thống nhất bồi thường ông bọng bằng tiền mà UBND phải đặt lại như cũ. Nhưng tại phiên tòa, ông bà không có gì chứng minh giá trị của các loại cây trồng trên cao hơn giá của UBND bồi thường, cũng như đường ống nước đã được UBND bồi thường tại Quyết định số 674, nên các yêu cầu trên là không có căn cứ chấp nhận.

UBND thành phố C áp giá bồi thường cây trồng và tài sản cho ông S và bà T là đúng theo Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định về giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản, chi phí di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

* ông Bé S cho rằng phần đất của ông mua của ông Trịnh Văn T2 từ năm 1996 ở các thửa 103, 326 có vị trí giáp sông Đ, không có đường đi mà do năm 2002 ông thuê xáng múc đồ lên làm đê bao theo vận động của chính quyền địa phương nên khi UBND thực hiện làm đường D4 chiều ngang 05m là đã thi công trên phần đất thuộc quyền sử dụng của ông khoảng 308m².

Tuy nhiên, chứng cứ tại hồ sơ thể hiện: ông Bé S được cấp giấy chứng nhận vào ngày 16/6/1997 với diện tích là 3.845m² (trong đó có 200m² đất thổ) năm 2006 được cấp đổi giấy chứng nhận với 200m² đất thổ và diện tích 04 thửa (lúa, LN) gộp lại là 3.514,1m² trên 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Biên bản số 12 về khảo sát hiện trạng sử dụng đất ngày 06/02/2006 thì diện tích đất bị giảm 130,9m² là do làm đê bao đuôi cồn Phường 3 và Biên bản kiểm tra thực tế thửa đất ngày 16/3/2006 thì phần đất của ông Bé S giáp con đường đất, kế tiếp sông Đ. Mặt khác, tại Biên bản khảo sát hiện trạng ngày 02/10/2020 của UBND thành phố C theo yêu cầu của Tòa án cấp sơ thẩm thì phần đoạn đường đi ngang qua phần đất ông Bé S có lòng đường nơi rộng nhất là 2,45m, hẹp nhất là 1,9m có đặt đường ống nước thải và hai bên lề đường rộng nhất là 1,92m, hẹp nhất là 0,99m, chiều dài đoạn đường này chỉ có rải đá chứ không láng nhựa. Mặt dù gia đình ông Bé S đã được UBND Phường 3 lập Biên bản vận động vào các ngày 09/5/2018, ngày 10/5/2018, ngày 12/5/2018, ngày 14/5/2018, ngày 24/7/2018, ngày 28/11/2018 nhưng hộ ông Bé S không đồng ý cho thi công nên UBND phải cho bảo vệ cho đơn vị thi công đặt đường ống nước thải. ông Bé S cũng như người bảo vệ của UBND thành phố C cho rằng sau khi đặt cống thoát nước thải thì UBND đã san lấp trả lại hiện trạng ban đầu. Như vậy, con đường mà UBND nâng cấp không nằm trong quyền sử dụng đất của ông Bé S và việc đặt đường ống nước thải cũng không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của gia đình ông nên việc UBND chỉ ban hành các quyết định bồi thường tài sản trên đất do ảnh hưởng khi thi công đặt đường ống nước thải là đúng quy định của pháp luật.

[2] Từ đó cho thấy, yêu cầu kháng cáo của phía người khởi kiện là không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, ông Bé S và bà T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Bé S và bà Phạm Thị T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại 2011;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ;

Tuyên xử:

- Bác khởi kiện của ông Lê Văn Bé S và bà Phạm Thị T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C, Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C, Văn bản số 177/UBND-NC ngày 18/10/2018, Văn bản số 16/UBND-NC ngày 16/01/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố C.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường 308m² đất là 462.000.000 đồng, bồi thường thiệt hại tài sản trong 02 năm trên phần đất vườn là 24.000.000 đồng.

- Về án phí:

+ Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lê Văn Bé S và bà Phạm Thị T mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009950 ngày 07 tháng 01 năm 2020 và Biên lai thu số 0009972 ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, các đương sự đã nộp đủ.

+ Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Văn Bé S và bà Phạm Thị T mỗi đương sự phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp theo các biên lai thu số 0006132, 0006131 ngày 24/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, các đương sự đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Văn

Trần Thị Thu Thủy

Phạm Công Mười

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- NKK;
- NBK;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 17bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Mười